

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2026

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Bà Lê Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Mỹ X, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Số căn cước công dân 096196005334 cấp 06/8/2022

Địa chỉ: Ấp ĐB, xã ĐB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trương Chí H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã UM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Nguyễn Mỹ X tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Mỹ X và ông Trương Chí H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/01/2017 tại UBND xã KL. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Nguyễn Mỹ X yêu cầu ly hôn với chồng là ông Trương Chí H.

Về con chung: Bà Nguyễn Mỹ X và ông Trương Chí H có 01 người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 08/9/2015 (giới tính nam), cháu H hiện đang

sống chung với gia đình. Khi ly hôn, bà X tự nguyện để cho ông H tiếp tục nuôi dạy cháu H, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Mỹ X xác định bà và ông Trương Chí H không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Nguyễn Mỹ X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trương Chí H. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Trương Chí H có nơi cư trú tại Ấp A, xã UM, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Trương Chí H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, bà Nguyễn Mỹ X xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt bà X và ông H theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Nguyễn Mỹ X và ông Trương Chí H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/01/2017 tại UBND xã KL. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Nguyễn Mỹ X yêu cầu ly hôn với chồng là ông Trương Chí H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà X xác định không còn tình cảm với ông H, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông H vắng mặt không có lí do, cho thấy ông H không có thiện chí đoàn tụ với bà X. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Mỹ X và ông Trương Chí H được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Bà Nguyễn Mỹ X và ông Trương Chí H có 01 người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 08/9/2015 (giới tính nam), hiện đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn, bà X tự nguyện để cho ông H tiếp tục nuôi dạy cháu H. Xét thấy, con chung từ trước đến nay sống ổn định với ông H, ông H không có ý kiến gì về việc nuôi dạy con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà X về việc giao con chung cho ông H Trương Chí H tiếp tục nuôi dạy, bà X

không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét là phù hợp. Bà X không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Mỹ X xác định bà và ông Trương Chí H không có. Quá trình giải quyết vụ án, không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ đối với ông bà nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung là phù hợp.

[3] Các vấn đề khác: Bà Nguyễn Mỹ X phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mỹ X về việc ly hôn đối với ông Trương Chí H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Mỹ X và ông Trương Chí H được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 08/9/2015 (giới tính nam) cho ông Trương Chí H tiếp tục nuôi dạy, bà X không đặt ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà X không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Mỹ X xác định bà và ông Trương Chí H không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Mỹ X nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vào ngày 02 tháng 3 năm 2026, bà Nguyễn Mỹ X có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002226 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã KL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh